

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST
Ngày: 17-5-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Chuyên

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trương Văn Luân

2. Bà Phạm Thị Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** bà Phạm Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Hà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2023/TLST- KDTM ngày 28 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-KDTM ngày 27-3-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-KDTM ngày 17-4-2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T

Địa chỉ: Lô 8, cụm công nghiệp Gi, xã K, huyện Gi, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Đoàn Văn Đ - Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Văn Đ: ông Hoàng Văn Kỳ- chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh; có mặt

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần may T

Địa chỉ trụ sở: thôn Th, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Thanh T - Giám đốc công ty; vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: số nhà 05, ngõ 87, đường Q, xã Ph, thành phố Th, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú hiện nay: số nhà 159, tổ 6 Đ, phường K, quận H, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T, ông Hoàng Văn Kỳ trình bày:

Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T và Công ty cổ phần may T là đối tác trong lĩnh vực kinh doanh. Ngày 15-5-2023, Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T và Công ty cổ phần may T đã ký hợp đồng nguyên tắc số 18TC/TH/2023. Theo đó, Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T cung cấp mặt hàng thùng carton cho Công ty cổ phần may T với đơn giá, số lượng cụ thể theo đơn đặt hàng. Trong quá trình hợp tác cung cấp hàng hóa cho Công ty cổ phần may T, phía Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ mọi nghĩa vụ, đảm bảo cung cấp hàng hóa đúng số lượng, chất lượng, tiến độ theo đơn đặt hàng của Công ty cổ phần may T, cụ thể: ngày 18-5-2023 và ngày 19-5-2023, Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T đã giao cho Công ty cổ phần may T các mặt hàng gồm:

- Hộp 3 lớp 2 mặt VKT: $34,3 \times 25,4 \times 8 \times 10.101 \times 3.200$ đồng = 32.323.200 đồng;

- Đệm 3 lớp 2 mặt mộc: $15 \times 15 \times 20.200 \times 100$ đồng = 2.020.000 đồng.

Ứng với đơn đặt hàng, ngày 31-5-2023, Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T đã hoàn tất việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty cổ phần may T với tổng số tiền là 37.777.520 đồng, trong đó: tiền hàng hóa: 34.343.200 đồng và tiền thuế giá trị gia tăng: 3.434.320 đồng.

Sau khi nhận hàng, Công ty cổ phần may T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T theo đúng thời hạn như trong hợp đồng hai bên đã ký kết. Ngày 13-9-2023 giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T và Công ty cổ phần may T đã có văn bản xác nhận công nợ. Tuy nhiên, đến nay Công ty cổ phần may T không thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T. Vì vậy, Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần may T phải trả cho Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T toàn bộ khoản tiền mua hàng còn nợ là 37.777.520 đồng, không yêu cầu Công ty cổ phần may T phải trả tiền lãi đối với số tiền trên.

Ngày 13-5-2024, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nhận được Đơn đề nghị của người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần may T: ông Lê Thanh T - Giám đốc Công ty, với nội dung: ông Lê Thanh T được Công ty cổ phần may T thuê làm người lao động, giữ chức vụ Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Từ ngày 21-3-2022, ông đã chấm dứt quan hệ lao động tại Công ty. Tuy nhiên, do Công ty chưa tìm kiếm được nhân sự thay thế nên ông vẫn đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty. Ông đã nhiều lần liên hệ với Công ty cổ phần may T thực hiện việc

thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty nhưng do các cổ đông đang có sự mâu thuẫn nên đến thời điểm hiện tại vẫn chưa thấy Công ty phản hồi. Ông T cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện nay của ông T: số nhà 159, tổ 6 Đ, phường K, quận H, Thành phố Hà Nội.

Tại biên bản xác minh ngày 05-12-2023, tại trụ sở Công ty cổ phần may T, địa chỉ: thôn Th, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, ông Hoàng Kim D là Giám đốc sản xuất - đại diện Công ty cổ phần may xuất khẩu quốc tế Việt Nam, cung cấp: từ ngày 30-10-2023, Công ty cổ phần may xuất khẩu quốc tế Việt Nam thuê mặt bằng của Công ty cổ phần may T để sản xuất quần áo may mặc. Hiện nay Công ty cổ phần may T không còn hoạt động tại đây. Công ty cổ phần may T còn hoạt động hay không hoạt động, hoạt động ở đâu ông không biết.

Tại biên bản xác minh ngày 08-5-2024, Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch đầu tư và phát triển tỉnh Thái Bình cung cấp: Công ty cổ phần may T, địa chỉ trụ sở chính : thôn Th, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, mã số doanh nghiệp 1001222744, đăng ký lần đầu ngày 25-3-2021, người đại diện theo pháp luật của Công ty: ông Lê Thanh T, chức danh: Giám đốc. Tình trạng pháp lý trên hệ thống đang hoạt động.

Tại biên bản xác minh ngày 08-5-2024, Công an xã Ph, thành phố Th, tỉnh Thái Bình cung cấp: ông Lê Thanh T, sinh ngày 06-9-1989 có đăng ký thường trú tại tổ 2, xã Ph, thành phố Th, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 430, 440 Bộ luật Dân sự; các Điều 50, 292, 297, 317 Luật Thương mại, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T, buộc Công ty cổ phần may T phải trả cho Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T số tiền nợ gốc là 37.777.520 đồng.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về án phí, lệ phí của Tòa án Công ty cổ phần may T phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T yêu cầu Công ty cổ phần may T phải trả số tiền gốc theo Hợp đồng nguyên tắc số 18TC/TH/2023, ngày 15-5-2023. Căn cứ nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa trên, Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T và Công ty cổ phần may T đều đăng ký kinh doanh; Bị đơn có địa chỉ trụ sở trong giấy đăng ký kinh doanh tại: thôn Th, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Đến nay, Công ty chưa có bất kỳ thông tin thay đổi nào với Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư và phát triển tỉnh Thái Bình nên Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa các bên là tranh chấp Kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn là Công ty cổ phần may T và người đại diện theo pháp luật của công ty ông Lê Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T đã thực hiện hợp đồng, cung ứng các mặt hàng theo đúng đơn đặt hàng của Công ty cổ phần may T. Ngày 13-9-2023, giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T và Công ty cổ phần may T đã có văn bản xác nhận công nợ. Ngày 26-11-2023, Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với Công ty cổ phần may T. Như vậy, căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự, xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đối với Hợp đồng nguyên tắc số 18TC/TH/2023 ngày 15-5-2023 giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T và Công ty cổ phần may T, 01 đơn đặt hàng ngày 13-5-2023 của Công ty cổ phần may T, 01 bảng báo giá ngày 15-5-2023 của Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T, 02 phiếu xuất kho và 01 Hóa đơn giá trị gia tăng thể hiện nội dung Công ty cổ phần may T đã mua của Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T mặt hàng thùng carton với giá trị thành tiền là 37.777.520 đồng. Cụ thể, ngày 18-5-2023 và ngày 19-5-2023, Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T đã cung cấp hàng hóa đúng số lượng, chất

lượng theo đơn đặt hàng của Công ty cổ phần may T. Đồng thời, Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty cổ phần may T theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 13-9-2023 giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T và Công ty cổ phần may T đã có văn bản xác nhận công nợ. Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T đã gửi 02 văn bản đơn đốc công nợ ngày 02-10-2023 và 11-10-2023. Tuy nhiên, Công ty cổ phần may T chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền hàng còn nợ. Như vậy, Công ty cổ phần may T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần may T thanh toán số tiền hàng còn nợ gốc là 37.777.520 đồng, không yêu cầu trả lãi. Vì vậy, căn cứ vào 440 Bộ luật Dân sự; các Điều 50, 292, 297 Luật Thương mại năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T, buộc Công ty cổ phần may T có trách nhiệm trả số tiền là 37.777.520 đồng cho Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Vì yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T được chấp nhận nên Công ty cổ phần may T phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo. Số tiền tạm ứng án phí của Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T đã nộp được hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 430, 440 Bộ luật Dân sự; các Điều 50, 292, 297, 317 Luật Thương mại, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T đối với Công ty cổ phần may T.

Buộc Công ty cổ phần may T phải trả cho Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T số tiền là 37.777.520 đồng (Ba mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án

theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

2. Về án phí: Công ty cổ phần may T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Trả lại cho Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003557 ngày 28-11-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty cổ phần may T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự,
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà,
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên